

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Lào Cai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 61/2008/TTLT-BNNPTNT-BNV, ngày 15/5/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện về nhiệm vụ quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp xã về nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ Lào Cai, tại Tờ trình số 762 /TT- SNV, ngày 15 tháng 12 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lào Cai”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 45/QĐ-UB, ngày 03/3/1997 của UBND tỉnh Lào Cai về việc Quy định vị trí, chức, năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lào Cai.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố căn cứ Quyết định thi hành./. *Uu*

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Nội vụ;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh,
- TT Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- Sở Tư pháp;
- Như Điều 3 (QĐ);
- Công báo tỉnh; Đài PT và TH tỉnh;
- Lãnh đạo VP, Các CV;
- Lưu: VT- NC, SNV(02).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Vạn

QUY ĐỊNH

Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Lào Cai

(Ban hành kèm theo Quyết định số 04 /2009/QĐ -UBND, ngày 20 tháng 02 năm 2009
của UBND tỉnh Lào Cai)

Chương I

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH LÀO CAI

Điều 1. Vị trí, chức năng

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương về: nông nghiệp; lâm nghiệp; thuỷ sản; thuỷ lợi và phát triển nông thôn; phòng, chống lụt, bão; an toàn nông sản, lâm sản, thuỷ sản trong quá trình sản xuất đến khi đưa ra thị trường; về các dịch vụ công thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự uỷ quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và theo quy định của pháp luật.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Trụ Sở: Đặt tại Thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Dự thảo quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, 05 năm và hàng năm; chương trình, đề án, dự án về nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản, thuỷ lợi và phát triển nông thôn; quy hoạch phòng, chống giặc nhẹ thiên tai phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội, mục tiêu quốc phòng, an ninh của địa phương; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao;

b) Dự thảo văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chi cục trực thuộc;

c) Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể điều kiện, tiêu chuẩn chức danh đối với Trưởng, Phó các tổ chức thuộc Sở; Trưởng, Phó phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân huyện; tham gia dự

thảo quy định điều kiện, tiêu chuẩn, chức danh lãnh đạo phụ trách lĩnh vực nông nghiệp của Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thuộc tỉnh.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Dự thảo quyết định thành lập, sáp nhập, giải thể các đơn vị trực thuộc Sở theo quy định của pháp luật;

b) Dự thảo quyết định, chỉ thị thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Ban hành quy chế quản lý, phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo của các tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh đặt tại địa bàn cấp huyện với Ủy ban nhân dân cấp huyện; các nhân viên kỹ thuật trên địa bàn cấp xã với Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch phát triển, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế-kỹ thuật về nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản, thuỷ lợi và phát triển nông thôn đã được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

4. Về nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi):

a) Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện phương án sử dụng đất dành cho trồng trọt và chăn nuôi sau khi được phê duyệt và biện pháp chống thoái hóa đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định quản lý nhà nước về: giống cây trồng, giống vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và các vật tư khác phục vụ sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, thu hoạch, bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp; thực hiện cơ cấu giống, thời vụ, kỹ thuật canh tác, nuôi trồng;

d) Tổ chức công tác bảo vệ thực vật, thú y (bao gồm cả thú y thuỷ sản), phòng, chống và khắc phục hậu quả dịch bệnh động vật, thực vật; hướng dẫn và tổ chức thực hiện kiểm dịch nội địa về động vật, thực vật trên địa bàn tỉnh theo quy định;

đ) Tổ chức phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai, sâu bệnh, dịch bệnh đối với sản xuất nông nghiệp;

e) Quản lý và sử dụng dự trữ địa phương về giống cây trồng, giống vật nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, các vật tư hàng hoá thuộc lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi trên địa bàn sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

5. Về lâm nghiệp:

a) Hướng dẫn việc lập và chịu trách nhiệm thẩm định quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập các khu rừng phòng hộ, khu rừng đặc dụng, khu rừng sản xuất trong phạm vi quản lý của địa phương sau khi được phê duyệt; tổ chức thực hiện việc phân loại rừng, xác định ranh giới các loại rừng, thống kê, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Tổ chức thực hiện phương án giao rừng cho cấp huyện và cấp xã sau khi được phê duyệt; tổ chức thực hiện việc giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng, công nhận quyền sử dụng rừng, quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng cho tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện dự án đầu tư về lâm nghiệp tại Việt Nam; tổ chức việc lập và quản lý hồ sơ giao, cho thuê rừng và đất để trồng rừng;

Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn, bản và giao rừng, cho thuê rừng cho hộ gia đình, cá nhân theo quy định;

d) Tổ chức việc bình tuyển và công nhận cây mẹ, cây đầu dòng và rừng giống trên địa bàn tỉnh. Xây dựng phương án, biện pháp, chỉ đạo, kiểm tra và chịu trách nhiệm về sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp và sử dụng vật tư lâm nghiệp; trồng rừng; chế biến và bảo quản lâm sản; phòng và chống dịch bệnh gây hại rừng, cháy rừng;

đ) Chịu trách nhiệm phê duyệt phương án điều chế rừng, thiết kế khai thác rừng; giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo và kiểm tra việc trồng rừng, bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ theo quy định;

e) Hướng dẫn, kiểm tra việc cho phép mở cửa rừng khai thác và giao kế hoạch khai thác cho chủ rừng là tổ chức và Ủy ban nhân dân cấp huyện sau khi được phê duyệt; việc thực hiện các quy định về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trong quản lý, bảo vệ rừng ở địa phương; việc phối hợp và huy động lực lượng, phương tiện của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn trong bảo vệ rừng, quản lý lâm sản và phòng cháy, chữa cháy rừng.

6. Về thuỷ sản:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy định hành lang cho các loài thuỷ sản di chuyển khi áp dụng các hình thức khai thác thuỷ sản; công bố bổ sung những nội dung quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về danh mục các loài thuỷ sản bị cấm khai thác và thời gian cấm khai thác; các phương pháp khai thác, loại nghề khai thác, ngư cụ cấm sử dụng hoặc hạn chế sử dụng; chủng loại, kích cỡ tối thiểu các loài thuỷ sản được phép khai thác; mùa vụ khai thác; khu vực cấm khai thác và khu vực cấm khai thác có thời hạn cho phù hợp với hoạt động khai thác nguồn lợi thuỷ sản của tỉnh;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy chế vùng khai thác thuỷ sản ở sông, hồ, đầm, phá và các vùng nước tự nhiên khác thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Tổ chức đánh giá nguồn lợi thuỷ sản trên địa bàn tỉnh thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao;

d) Hướng dẫn, kiểm tra việc lập quy hoạch chi tiết các vùng nuôi trồng thuỷ sản. Chịu trách nhiệm thẩm định quy hoạch, kế hoạch nuôi trồng thuỷ sản của cấp huyện và tổ chức thực hiện việc quản lý vùng nuôi trồng thuỷ sản tập trung;

đ) Tham mưu và giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện việc giao, cho thuê, thu hồi mặt nước thuộc địa phương quản lý để nuôi trồng thuỷ sản theo quy định;

e) Tổ chức kiểm tra chất lượng và kiểm dịch giống thuỷ sản ở các cơ sở sản xuất giống thuỷ sản; tổ chức thực hiện phòng trừ và khắc phục hậu quả dịch bệnh thuỷ sản trên địa bàn theo quy định;

g) Hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện các quy định về quy chế và tổ chức quản lý hoạt động của chợ thuỷ sản đầu mối.

7. Về thuỷ lợi:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý các công trình thuỷ lợi vừa và nhỏ và chương trình mục tiêu cấp, thoát nước nông thôn trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra và chịu trách nhiệm về việc xây dựng, khai thác, sử dụng và bảo vệ các công trình thuỷ lợi vừa và nhỏ; tổ chức thực hiện chương trình, mục tiêu cấp, thoát nước nông thôn đã được phê duyệt;

b) Thực hiện các quy định về quản lý sông, suối, khai thác sử dụng và phát triển các dòng sông, suối trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Hướng dẫn, kiểm tra và chịu trách nhiệm về việc xây dựng, khai thác, bảo vệ công trình phòng, chống lũ, lụt, bão; xây dựng phương án, biện pháp và tổ chức thực hiện việc phòng, chống lũ, lụt, bão, hạn hán, úng ngập, sạt, lở ven sông, suối trên địa bàn tỉnh;

d) Hướng dẫn việc xây dựng quy hoạch sử dụng đất thuỷ lợi, tổ chức cắm mốc chỉ giới trên thực địa và xây dựng kế hoạch, biện pháp thực hiện việc di dời công trình, nhà ở liên quan tới phạm vi bảo vệ kè, đập và an toàn sông, suối theo quy định;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định quản lý nhà nước về khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi trong phạm vi của địa phương theo quy định.

8. Về phát triển nông thôn:

a) Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách, biện pháp khuyến khích phát triển nông thôn; phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế hợp tác, hợp tác xã nông, lâm, ngư nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn trên địa bàn cấp xã. Theo dõi, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển nông thôn trên địa bàn;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định phân công, phân cấp thẩm định các chương trình, dự án liên quan đến di dân, tái định cư trong nông thôn; kế hoạch chuyển dịch cơ cấu kinh tế và chương trình phát triển nông thôn; việc phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn gắn với hộ gia đình và hợp tác xã trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện sau khi được phê duyệt;

c) Hướng dẫn phát triển kinh tế hộ, trang trại, kinh tế hợp tác, hợp tác xã, phát triển ngành, nghề, làng nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh;

d) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác định canh, di dân, tái định cư trong nông nghiệp, nông thôn phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội của địa phương;

d) Tổ chức thực hiện chương trình, dự án hoặc hợp phần của chương trình, dự án xoá đói giảm nghèo, chương trình xây dựng nông thôn mới; xây dựng khu dân cư; xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

9. Về chế biến và thương mại nông sản, lâm sản, thủy sản:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, chương trình, cơ chế, chính sách phát triển lĩnh vực chế biến gắn với sản xuất và thị trường các ngành hàng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở; chính sách phát triển cơ điện nông nghiệp, ngành nghề, làng nghề gắn với hộ gia đình và hợp tác xã sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá tình hình phát triển chế biến đối với các ngành hàng và lĩnh vực ngành nghề, làng nghề nông thôn, bảo quản sau thu hoạch thuộc phạm vi quản lý của Sở;

c) Tổ chức thực hiện công tác xúc tiến thương mại nông sản, lâm sản, thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Sở;

d) Phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức công tác dự báo thị trường, xúc tiến thương mại đối với sản phẩm nông sản, lâm sản, thuỷ sản.

10. Tổ chức thực hiện công tác khuyến nông, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản.

11. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản và hoạt động phát triển nông thôn tại địa phương.

12. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về đăng kiểm, đăng ký, cấp và thu hồi giấy phép, chứng chỉ hành nghề thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật hoặc sự phân công, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

13. Xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ tư liệu về nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ lợi và phát triển nông thôn; tổ chức công tác thống kê diễn biến đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, diễn biến rừng, mặt nước nuôi trồng thuỷ sản theo quy định.

14. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các dự án và xây dựng mô hình phát triển về nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản, thuỷ lợi và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh; chịu trách nhiệm thực hiện các chương trình, dự án được giao.

15. Thực hiện hợp tác quốc tế về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở theo phân cấp của Uỷ ban nhân dân tỉnh và quy định của pháp luật.

16. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc và các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản, thuỷ lợi và phát triển nông thôn của tỉnh theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về các dịch vụ công do Sở tổ chức thực hiện.

17. Giúp Uỷ ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân; hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của các hội, tổ chức phi Chính phủ thuộc các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản, thuỷ lợi và phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật.

18. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn đối với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phòng Kinh tế) và kiểm tra việc thực hiện quy chế quản lý, phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo của tổ chức nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh đặt trên địa bàn - cấp huyện với Uỷ ban nhân dân cấp huyện; các nhân viên kỹ thuật trên địa bàn - cấp xã với Uỷ ban nhân dân cấp xã.

19. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh.

20. Thanh tra, kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng, tiêu cực và xử lý vi phạm pháp luật về nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản, thuỷ lợi và phát triển nông thôn trong phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

21. Thực hiện nhiệm vụ thường trực của Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão; tìm kiếm cứu nạn; các vấn đề cấp bách trong bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng của tỉnh theo quy định của pháp luật; tham gia khắc phục hậu quả thiên tai về bão, lũ, lụt, sạt, lở, hạn hán, úng ngập và dịch bệnh trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản trên địa bàn tỉnh.

22. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện chương trình cải cách hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở sau khi được Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

23. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức, mối quan hệ công tác của tổ chức, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở; quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo quy định của pháp luật và phân cấp của Uỷ ban nhân dân tỉnh; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ xã, phường, thị trấn làm công tác quản lý về nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản, thuỷ lợi và phát triển nông thôn theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Uỷ ban nhân dân tỉnh.

24. Quản lý tài chính, tài sản của Sở theo quy định của pháp luật và phân cấp của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

25. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao theo quy định của Uỷ ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

26. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Uỷ ban nhân dân tỉnh giao hoặc theo quy định của pháp luật.

Chương II

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHÉ

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Sở:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Giám đốc và các Phó Giám đốc;

b) Giám đốc Sở là người đứng đầu Sở, chịu trách nhiệm trước Uỷ ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Sở; chịu trách nhiệm báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Phó Giám đốc Sở là người giúp Giám đốc Sở chỉ đạo một số mặt công tác, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về các nhiệm vụ được phân công; khi Giám đốc Sở vắng mặt, một Phó giám đốc Sở được Giám đốc ủy quyền điều hành các hoạt động của Sở.

d) Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật và các chế độ chính sách khác đối với Giám đốc và Phó Giám đốc Sở, lãnh đạo các phòng chuyên môn, các Chi cục và đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở thực hiện theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý về công tác tổ chức cán bộ của tỉnh.

2. Cơ cấu tổ chức:

a) Các Phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

- Văn phòng Sở (đảm nhận nhiệm vụ Thường trực phòng, chống lụt, bão);

- Thanh tra Sở;

- Phòng Kế hoạch - Thông kê (đảm nhận nhiệm vụ quản lý các công trình xây dựng);

- Phòng Tổ chức cán bộ;

- Phòng Trồng trọt;

- Phòng Chăn nuôi - Thuỷ sản;

- Phòng Quản lý chất lượng sản phẩm, thông tin thị trường nông, lâm, thuỷ sản;

b) Các Chi cục chuyên ngành trực thuộc Sở:

- Chi cục Thú y.

Chi cục Thú y là tổ chức trực thuộc Sở (quyết định thành lập riêng), thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo Pháp lệnh thú y và văn bản hướng dẫn thi hành; có hệ thống các trạm thú y trực thuộc đặt tại các huyện, thành phố và mạng lưới nhân viên thú y cấp xã, phường, thị trấn.

- Chi cục Bảo vệ thực vật.

Chi cục Bảo vệ thực vật là tổ chức trực thuộc Sở (quyết định thành lập riêng), thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo Pháp lệnh Bảo vệ thực vật và văn bản hướng dẫn thi hành; Chi cục Bảo vệ thực vật có hệ thống các trạm Bảo vệ thực vật thuộc các huyện, thành phố.

- Chi cục Thuỷ lợi.

Chi cục Thuỷ lợi là tổ chức trực thuộc Sở (quyết định thành lập riêng) thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành thuỷ lợi; phòng chống, giảm nhẹ thiên tai; cấp nước sinh hoạt và môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Chi cục Lâm nghiệp.

Chi cục Lâm nghiệp là tổ chức trực thuộc Sở (quyết định thành lập riêng), thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh; có các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Chi cục là Ban quản lý rừng phòng hộ các huyện, thành phố.

- Chi cục Kiểm lâm.

Chi cục Kiểm lâm là tổ chức trực thuộc Sở, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ rừng và bảo đảm chấp hành pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng trong phạm vi toàn tỉnh; có hệ thống các hạt Kiểm lâm đặt tại các huyện, thành phố và Ban quản lý dự án bảo tồn thiên nhiên huyện Văn Bàn.

- Chi cục Phát triển nông thôn (đổi tên Chi cục HTX và PTNT).

Chi cục Phát triển nông thôn: Thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành về kinh tế hợp tác xã; bố trí dân cư, di dân tái định cư và phát triển nông thôn trên phạm vi quản lý của ngành phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

c) Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở:

- Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư (quyết định thành lập riêng), có các trạm khuyến nông - khuyến ngư trực thuộc đặt tại huyện, thành phố; có nhân viên hợp đồng và cộng tác viên làm công tác khuyến nông - khuyến ngư trên địa bàn xã.

- Trung tâm Giống cây trồng và vật nuôi (quyết định thành lập riêng).

- Trung tâm Thuỷ sản (quyết định thành lập riêng), có đơn vị trực thuộc Trung tâm là Trại Giống thuỷ sản cấp I.

- Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn.

- Trung tâm Tư vấn Giám sát và quản lý dự án công trình XDCB nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- 09 Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện, thành phố (trực thuộc Chi cục Lâm nghiệp).

d) Căn cứ vào quy định của nhà nước và điều kiện cụ thể của địa phương, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thống nhất với Giám đốc Sở Nội vụ trình UBND tỉnh thành lập các Chi cục quản lý nhà nước chuyên ngành và các đơn vị sự nghiệp khác trực thuộc Sở theo quy định.

Điều 4. Biên chế

a) Biên chế các phòng chuyên môn và các Chi cục trực thuộc Sở là biên chế quản lý nhà nước; biên chế của các đơn vị sự nghiệp thuộc biên chế sự nghiệp được UBND tỉnh giao chỉ tiêu biên chế cụ thể hàng năm theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Giám đốc Sở Nội vụ;

b) Việc bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải căn cứ vào vị trí việc làm, chức danh, tiêu chuẩn cơ cấu ngạch công chức, viên chức; đảm bảo tinh gọn, hợp lý, phát huy được năng lực, sở trường của cán bộ, công chức, viên chức.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 5. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề gì vướng mắc, phát sinh cần phải điều chỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Vạn